

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Xuân Nữ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Khon;

2. Bà Võ Thị Thủy.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Văng Thị Thúy Q**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1990.

HKTT: **Ấp Trung, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

Địa chỉ liên hệ: **Ấp Ba, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Văng Thị Thúy Q** trình bày:

Về hôn nhân: Chị **Văng Thị Thúy Q** và anh **Nguyễn Văn P** kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2018 tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. Hôn nhân giữa anh chị được xây dựng trên cơ sở mai mối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh **P** không chăm lo làm ăn phụ tiếp kinh tế với chị **Q** mà thường xuyên uống rượu, dẫn đến tình cảm

vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc. Vào tháng 5/2021, chị Q và anh P phát sinh cự cãi, anh P có uống rượu và đánh chị Q, từ đó chị Q cùng con chung bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp sinh sống cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, vợ chồng không có hàn gắn tình cảm.

Nay chị Q yêu cầu ly hôn với anh P.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Phú Đăng N, sinh ngày 17/02/2018. Hiện nay, cháu Đăng N đang sống với chị Q. Sau khi ly hôn, chị Q yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh P không có văn bản ghi ý kiến về việc chị Q yêu cầu ly hôn, nuôi con, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:* Nguyên đơn chị Q đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn anh P chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cần phê phán rút kinh nghiệm.

*Việc giải quyết vụ án:* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Q đối với anh P. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Phú Đăng N, sinh ngày 17/02/2018 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Q không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Văng Thị Thúy Q và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Văn P có địa chỉ tại xã T và xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, chị Q vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đối với anh P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Q, anh P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Q và anh P là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 23/3/2018. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc nhưng được khoảng thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vắng mặt tại phiên tòa, anh P không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Q và anh P có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp trong cuộc sống, nguyên nhân là do anh chị không còn quan tâm, thấu hiểu nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình, anh P thường xuyên uống rượu, chị Q có khuyên ngăn nhưng anh P không thay đổi, tuy đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không có biện pháp để tháo gỡ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy đời sống chung giữa anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Phú Đăng N, sinh ngày 17/02/2018. Hiện nay, cháu Đăng N đang sống chung với chị Q. Chị Q yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung Đăng Nguyên, đối với anh P không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh chị không còn sống chung cháu Đăng N sống với chị Q và môi trường sống của cháu đã ổn định. Để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con chung nên cần giao cháu Đăng N cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phú Đăng N, phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Q không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, anh P không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh P không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Văng Thị Thúy Q.**

- Về hôn nhân: Chị **Văng Thị Thúy Q** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn P.**

- Về con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Phú Đăng N**, sinh ngày 17/02/2018 cho chị **Văng Thị Thúy Q** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **P** không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị **Q** không yêu cầu.

Chị **Q** và anh **P** được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị **Văng Thị Thúy Q** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016244 ngày 14/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy, chị **Q** đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Ngô Văn Khon – Võ Thị Thủy**

**Trần Xuân Nữ**

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Quới, H. Thanh Bình, Đồng Tháp (Số ĐKKH: 31, ngày 23/3/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Xuân Nữ**